

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403902

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền - (04098)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002	<i>Nguyễn Như Bình</i>	7,0	bảy	C22QT4	
2	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002	<i>Minh Châu</i>	7,0	bảy	C22QT4	
3	2010100116	Hồ Thị Thùy Dung	11/05/2002	<i>Dung</i>	6,0	sáu	C22QT4	
4	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002	<i>Nguyễn Mỹ Duyên</i>	8,5	tám rưỡi	C22QT4	
5	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002	<i>Nguyễn Mỹ Duyên</i>	7,0	bảy	C22QT4	
6	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002	<i>Ngọc Duyên</i>	7,0	bảy	C22QT4	
7	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002	<i>Thùy Dương</i>	8,5	tám rưỡi	C22QT4	
8	2010100111	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002	<i>Thùy Dương</i>	9,0	chín	C22QT4	
9	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002	<i>Phương Đào</i>	8,0	tám	C22QT4	
10	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/02/2001	<i>Nguyễn Mỹ Hạnh</i>	4,0	bốn	C22QT4	
11	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	<i>Trương Văn Hiếu</i>	5,0	năm	C22QT4	
12	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002	<i>Nguyễn Mỹ Huyền</i>	7,0	bảy	C22QT4	
13	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002	<i>Phạm Ngọc Lâm</i>	5,5	năm rưỡi	C22QT4	
14	2010100125	Nguyễn Thị Nhà Linh	16/06/2002	<i>Nguyễn Thị Nhà Linh</i>	7,0	bảy	C22QT4	
15	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002	<i>Phạm Hoàng Duy Linh</i>	8,0	tám	C22QT4	
16	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002	<i>Nguyễn Ngọc Long</i>	8,5	tám rưỡi	C22QT4	
17	2010100123	Từ Lâm Yên Mi	06/07/2002	<i>Từ Lâm Yên Mi</i>	7,0	bảy	C22QT4	
18	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15.08.2002	<i>Huỳnh Thanh Nga</i>	9,5	chín rưỡi	C22QT4	
19	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002	<i>Đào Ngọc Kim Ngân</i>	7,0	bảy	C22QT4	
20	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhân	13/06/2002	<i>Đoàn Thị Mỹ Nhân</i>	8,0	tám	C22QT4	
21	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002	<i>Quách Minh Phi</i>	8,5	tám rưỡi	C22QT4	
22	2010100134	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002	<i>Nguyễn Thái Phong</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT4	
23	2010100107	Đào Võ Xuân Quang	12/02/2002	<i>Đào Võ Xuân Quang</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT4	
24	2010100130	Sakyna	22/12/2002	<i>Sakyna</i>	7,0	bảy	C22QT4	
25	2010100137	Phan Hữu Tài	30/10/2002	<i>Phan Hữu Tài</i>	7,0	không bảy	C22QT4	
26	2010100118	Lê Huỳnh Thu Thảo	12/12/2002	<i>Lê Huỳnh Thu Thảo</i>	7,0	bảy	C22QT4	
27	2010100133	Trần Quốc Thắng	03/10/2002	<i>Trần Quốc Thắng</i>	9,0	chín	C22QT4	
28	2010100110	Trương Minh Thiện	22/11/2002	<i>Trương Minh Thiện</i>	7,0	bảy	C22QT4	
29	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000	<i>Lưu Thảo Trang</i>	9,5	chín rưỡi	C22QT4	
30	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001	<i>Nguyễn Thị Ngọc Trang</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT4	
31	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002	<i>Trần Thu Trang</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT4	
32	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	27/07/2002	<i>Nguyễn Huỳnh Quế Trân</i>	8,0	tám	C22QT4	
33	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002	<i>Đặng Văn Truyền</i>	8,5	tám rưỡi	C22QT4	
34	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002	<i>Nguyễn Thanh Tuyết</i>	6,0	sáu	C22QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002	Vcm	5,5 /	năm rưỡi	C22QT4	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 35 vắng thi: 00 . Số bài thi: 35 / 35 .

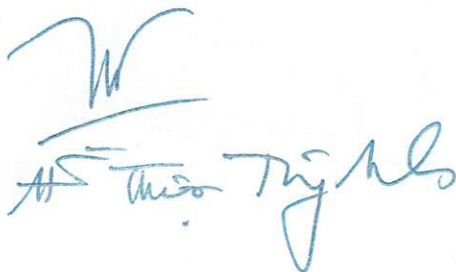
Số sinh viên đạt/không đạt: 34 / 01

Tỷ lệ đạt: 97,14 %

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Ngày 17 tháng 5 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



TRƯỞNG

KHẢO



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403902

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền - (04098)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002	<i>Nguyễn Như Bình</i>	5,0	Năm	C22QT4	
2	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002	<i>Nguyễn Minh Châu</i>	5,0	bốn năm	C22QT4	
3	2010100116	Hồ Thị Thùy Dung	11/05/2002	<i>Hồ Thùy Dung</i>	5,0	năm	C22QT4	
4	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002	<i>Nguyễn Mỹ Duyên</i>	8,0	tám	C22QT4	
5	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002	<i>Nguyễn Mỹ Duyên</i>	5,5	năm rưỡi	C22QT4	
6	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002	<i>Nguyễn Ngọc Duyên</i>	6,0	sáu	C22QT4	
7	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002	<i>Lâm Thùy Dương</i>	7,0	bảy	C22QT4	
8	2010100121	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002	<i>Võ Thùy Dương</i>	8,0	tám	C22QT4	
9	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002	<i>Trần Phương Đào</i>	8,0	tám	C22QT4	
10	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/02/2001	<i>Nguyễn Mỹ Hạnh</i>	3,0	ba	C22QT4	
11	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	<i>Trương Văn Hiếu</i>	8,5	tám rưỡi	C22QT4	
12	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002	<i>Nguyễn Mỹ Huyền</i>	9,0	chín	C22QT4	
13	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002	<i>Phạm Ngọc Lâm</i>	9,0	chín	C22QT4	
14	2010100125	Nguyễn Thị Nhà Linh	16/06/2002	<i>Nguyễn Thị Nhà Linh</i>	6,5	sáu rưỡi	C22QT4	
15	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002	<i>Phạm Hoàng Duy Linh</i>	7,0	bảy	C22QT4	
16	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002	<i>Nguyễn Ngọc Long</i>	8,0	tám	C22QT4	
17	2010100123	Từ Lâm Yên Mi	06/07/2002	<i>Từ Lâm Yên Mi</i>	5,0	năm	C22QT4	
18	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15.08.2002	<i>Huỳnh Thanh Nga</i>	10	mười	C22QT4	
19	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002	<i>Đào Ngọc Kim Ngân</i>	10	mười	C22QT4	
20	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhân	13/06/2002	<i>Đoàn Thị Mỹ Nhân</i>	8,0	tám	C22QT4	
21	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002	<i>Quách Minh Phi</i>	5,0	năm	C22QT4	
22	2010100134	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002	<i>Nguyễn Thái Phong</i>	6,0	sáu	C22QT4	
23	2010100107	Đào Võ Xuân Quang	12/02/2002	<i>Đào Võ Xuân Quang</i>	6,0	sáu	C22QT4	
24	2010100130	Sakyna	22/12/2002	<i>Sakyna</i>	4,0	bốn	C22QT4	
25	2010100137	Phan Hữu Tài	30/10/2002	<i>Phan Hữu Tài</i>	6,0	sáu	C22QT4	
26	2010100118	Lê Huỳnh Thu Thảo	12/12/2002	<i>Lê Huỳnh Thu Thảo</i>	5,0	năm	C22QT4	
27	2010100133	Trần Quốc Thắng	03/10/2002	<i>Trần Quốc Thắng</i>	6,0	sáu	C22QT4	
28	2010100110	Trương Minh Thiện	22/11/2002	<i>Trương Minh Thiện</i>	9,0	chín	C22QT4	
29	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000	<i>Lưu Thảo Trang</i>	7,0	bảy	C22QT4	
30	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001	<i>Nguyễn Thị Ngọc Trang</i>	5,0	năm	C22QT4	
31	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002	<i>Trần Thu Trang</i>	6,0	sáu	C22QT4	
32	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	27/07/2002	<i>Nguyễn Huỳnh Quế Trân</i>	8,0	tám	C22QT4	
33	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002	<i>Đặng Văn Truyền</i>	7,0	bảy	C22QT4	
34	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002	<i>Nguyễn Thanh Tuyết</i>	5,5	năm rưỡi	C22QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002	<i>Văn</i>	8,0	<i>hmm</i>	C22QT4	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 35 vắng thi: 00 . Số bài thi: 35 / 35 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 33/ 02

Tỷ lệ đạt: 94,29 %

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Minh

Ngày 17 tháng 5 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Nguyễn Đức Huyền





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403902

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền - (04098)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100163	Nguyễn Thị Thu Ba	15/04/2002				C22QT5	
2	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002	<i>Ch</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT5	
3	2010120001	Võ Thị Thu Hà	10/12/1995	<i>th</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT5	
4	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002	<i>h</i>	6,0	Sáu	C22QT5	
5	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002	<i>ng</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT5	
6	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002	<i>nh</i>	5,5	Năm rưỡi	C22QT5	
7	2010100098	Lê Thanh Hương	17/09/2001	<i>th</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT5	
8	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2020	<i>ku</i>	5,0	Năm	C22QT5	
9	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001				C22QT5	
10	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002	<i>phi</i>	5,5	Năm rưỡi	C22QT5	
11	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002	<i>sh</i>	4,0	Bốn	C22QT5	
12	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001	<i>tc</i>	8,0	Tám	C22QT5	
13	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002	<i>th</i>	8,0	Tám	C22QT5	
14	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001	<i>th</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT5	
15	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993	<i>th</i>	8,0	Tám	C22QT5	
16	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002	<i>th</i>	7,0	Bảy	C22QT5	
17	2010100160	Tô Loan Thảo	18/04/2002	<i>tl</i>	6,0	Sáu	C22QT5	
18	2010100162	Phạm Thị Hồng Thắm	02/10/2002	<i>th</i>	8,0	Tám	C22QT5	
19	2010100157	Võ Hồng Thắm	09/03/2002	<i>th</i>	7,5	Bảy rưỡi	C22QT5	
20	2010100152	Nguyễn Tuệ Thư	01/09/2002	<i>th</i>	6,0	Sáu	C22QT5	
21	2010100145	Võ Ngọc Anh Thư	29/10/2002				C22QT5	
22	2010100196	Bùi Lê Đức Trung	17/10/2002	<i>tr</i>	6,0	Sáu	C22QT5	
23	2010100147	Dương Minh Tuấn	19/08/2002		7,0	Bảy	C22QT5	
24	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001	<i>th</i>	5,5	Năm rưỡi	C22QT5	
25	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002	<i>vy</i>	7,0	Bảy	C22QT5	
26	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyên	27/02/2002	<i>xu</i>	7,5	Bảy rưỡi	C22QT5	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 2 vắng thi: 0 Số bài thi: 24 / 26

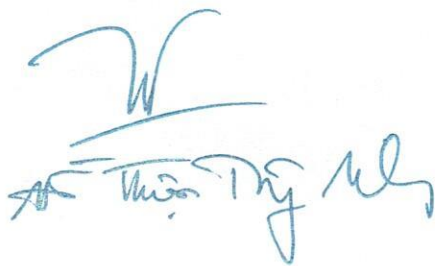
Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày...19...tháng...4...năm...2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trưởng Khoa/Bộ Môn

Ngày...17...tháng...3...năm...2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Đức Huyền

TRƯỜNG

KHÁC



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403902

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền - (04098)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100163	Nguyễn Thị Thu Ba	15/04/2002		4,0	bốn	C22QT5	SV o ký tên
2	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002		8,0	tám	C22QT5	
3	2010120001	Võ Thị Thu Hà	10/12/1995		5,0	năm	C22QT5	
4	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002		8,0	tám	C22QT5	
5	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002		9,0	chín	C22QT5	
6	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002		6,0	sáu	C22QT5	
7	2010100098	Lê Thanh Hương	17/09/2001		2,0	hai	C22QT5	SV o ký tên
8	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2020		5,0	năm	C22QT5	
9	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001		7,5	bảy rưỡi	C22QT5	
10	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002		6,5	sáu rưỡi	C22QT5	
11	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002		8,0	tám	C22QT5	
12	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001		10	mười	C22QT5	
13	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002		6,0	sáu	C22QT5	
14	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001		6,0	sáu	C22QT5	
15	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993		8,5	tám rưỡi	C22QT5	
16	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002		7,5	bảy rưỡi	C22QT5	
17	2010100160	Tô Loan Thảo	18/04/2002		5,5	năm rưỡi	C22QT5	
18	2010100162	Phạm Thị Hồng Thắm	02/10/2002		6,0	sáu	C22QT5	
19	2010100157	Võ Hồng Thắm	09/03/2002		7,0	bảy	C22QT5	
20	2010100152	Nguyễn Tuệ Thư	01/09/2002		5,5	năm rưỡi	C22QT5	
21	2010100145	Võ Ngọc Anh Thư	29/10/2002				C22QT5	
22	2010100196	Bùi Lê Đức Trung	17/10/2002		8,5	tám rưỡi	C22QT5	
23	2010100147	Dương Minh Tuấn	19/08/2002		8,0	tám	C22QT5	
24	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001		8,0	tám	C22QT5	
25	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002		4,5	bốn rưỡi	C22QT5	
26	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyên	27/02/2002		6	sáu	C22QT5	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

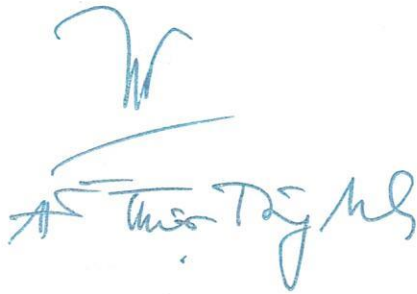
Tổng số sinh viên dự thi : 25 vắng thi: 01 . Số bài thi: 25 / 26 .Số sinh viên đạt/không đạt: 024 / 02

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày...10...tháng...4...năm...2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Thưa Thầy/Bà

TRƯỜNG

KHẢO

Ngày...10...tháng...3...năm...2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thu Huyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403902

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền - (04098)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002	<i>[Signature]</i>	5,5	năm rưỡi	C22QT6	
2	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu rưỡi	C22QT6	
3	2010100179	Khương Nhất Hiếu	11/05/2001	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT6	
4	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT6	
5	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	Tám	C22QT6	
6	2010100174	Trần Mạnh Long	20/11/2000				C22QT6	
7	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT6	
8	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	C22QT6	
9	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002	<i>[Signature]</i>	8,5	tám rưỡi	C22QT6	
10	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT6	
11	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	C22QT6	
12	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	bảy	C22QT6	
13	2010010042	Đinh Chấn Phong	08/09/2002	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	C22QT6	
14	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002	<i>[Signature]</i>	8,5	tám rưỡi	C22QT6	
15	2010100189	Nguyễn Đình Quốc	14/08/1999	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT6	
16	2010100169	Bùi Ngọc Quyên	06/12/2002	<i>[Signature]</i>	8,0	tám	C22QT6	
17	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12/01/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	bảy	C22QT6	
18	2010100170	Lê Văn Tâm	07/08/2002	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	C22QT6	
19	2010100181	Lê Minh Tân	06/09/2002	<i>[Signature]</i>	3,0	ba	C22QT6	
20	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	06/03/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT6	
21	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	16/12/2002	<i>[Signature]</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT6	
22	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/10/2002	<i>[Signature]</i>	7,0	bảy	C22QT6	
23	2010100186	Tạ Thiên Triều	27/11/2002	<i>[Signature]</i>	9,0	chín	C22QT6	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 01 . Số bài thi: 22 / 23 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày 19 tháng 9 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày in: 10:44 28/01/2021

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403902

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền - (04098)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002	<i>Đại</i>	7	bảy	C22QT6	
2	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	<i>Diệp</i>	7	bảy	C22QT6	
3	2010100179	Khuong Nhất Hiếu	11/05/2001	<i>Nhất</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT6	
4	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	<i>Hoài</i>	8	tám	C22QT6	
5	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002	<i>Khoa</i>	8	tám	C22QT6	
6	2010100174	Trần Mạnh Long	20/11/2000	<i>Long</i>	5	năm	C22QT6	
7	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002	<i>Luận</i>	8,5	tám rưỡi	C22QT6	
8	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	<i>Minh</i>	8	tám	C22QT6	
9	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002	<i>Minh</i>	7	bảy	C22QT6	
10	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002	<i>Minh</i>	6	sáu	C22QT6	
11	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002	<i>Nghĩa</i>	6,5	sáu rưỡi	C22QT6	
12	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002	<i>Nhi</i>	10	mười	C22QT6	
13	2010010042	Đinh Chấn Phong	08/09/2002	<i>Phong</i>	6	sáu	C22QT6	
14	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002	<i>Phương</i>	6	sáu	C22QT6	
15	2010100189	Nguyễn Đình Quốc	14/08/1999	<i>Quốc</i>	7,5	bảy rưỡi	C22QT6	
16	2010100169	Bùi Ngọc Quyên	06/12/2002	<i>Quyên</i>	5	năm	C22QT6	
17	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12/01/2002	<i>Sang</i>	7	bảy	C22QT6	
18	2010100170	Lê Văn Tâm	07/08/2002	<i>Tâm</i>	6	sáu	C22QT6	
19	2010100181	Lê Minh Tân	06/09/2002	<i>Tân</i>	6	sáu	C22QT6	
20	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	06/03/2002	<i>Tiên</i>	8	tám	C22QT6	
21	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	16/12/2002	<i>Tiên</i>	7	bảy	C22QT6	
22	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/10/2002	<i>Trâm</i>	6	sáu	C22QT6	
23	2010100186	Tạ Thiên Triều	27/11/2002	<i>Triều</i>	7	bảy	C22QT6	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 00 . Số bài thi: 23 / 23 .Số sinh viên đạt/không đạt: 22 / 01Tỷ lệ đạt: 95,65 %Ngày: 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 17 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: MH110403902

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Châu Lê Sơn Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Trần Thị Hoa Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002	<u>[Signature]</u>		5,6	năm, sáu	C22QT4	
2	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002	<u>[Signature]</u>		7,4	bảy, bốn	C22QT5	
3	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002	<u>[Signature]</u>		4,2	bốn, hai	C22QT4	
4	2010100116	Hồ Thị Thùy Dung	11/05/2002	<u>[Signature]</u>		7,6	bảy, sáu	C22QT4	
5	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002	<u>[Signature]</u>		6,6	sáu, sáu	C22QT4	
6	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002	<u>[Signature]</u>		5,0	năm	C22QT4	
7	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002	<u>[Signature]</u>		5,6	năm, sáu	C22QT4	
8	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002	<u>[Signature]</u>		6,6	sáu, sáu	C22QT4	
9	2010100111	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002	<u>[Signature]</u>		7,6	bảy, sáu	C22QT4	
10	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002	<u>[Signature]</u>		7,2	bảy, hai	C22QT4	
11	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002	<u>[Signature]</u>		5,8	năm, tám	C22QT6	
12	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	<u>[Signature]</u>		5,6	năm, sáu	C22QT6	
13	2010120001	Võ Thị Thu Hà	10/12/1995	<u>[Signature]</u>		7	bảy	C22QT5	
14	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002	<u>[Signature]</u>		7,6	bảy, sáu	C22QT5	
15	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002	<u>[Signature]</u>		7,2	bảy, hai	C22QT5	
16	2010100179	Khương Nhật Hiếu	11/05/2001					C22QT6	
17	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	<u>[Signature]</u>		5	năm	C22QT4	
18	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	<u>[Signature]</u>		6,4	sáu, bốn	C22QT6	
19	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002	<u>[Signature]</u>		6,2	sáu, hai	C22QT4	
20	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002	<u>[Signature]</u>		6,6	sáu, sáu	C22QT5	
21	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2002	<u>[Signature]</u>		5,6	năm, sáu	C22QT5	
22	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002	<u>[Signature]</u>		6,2	sáu, hai	C22QT6	
23	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002	<u>[Signature]</u>		5	năm	C22QT4	
24	2010100125	Nguyễn Thị Nhà Linh	16/06/2002	<u>[Signature]</u>		6	sáu	C22QT4	
25	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002	<u>[Signature]</u>		4,2	bốn, hai	C22QT4	
26	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002	<u>[Signature]</u>		6,4	sáu, bốn	C22QT4	
27	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002	<u>[Signature]</u>		4,8	bốn, tám	C22QT6	
28	2010100123	Từ Lâm Yến Mi	06/07/2002	<u>[Signature]</u>		5,6	năm, sáu	C22QT4	
29	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	<u>[Signature]</u>		5,6	năm, sáu	C22QT6	
30	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002	<u>[Signature]</u>		8	tám	C22QT6	
31	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002	<u>[Signature]</u>		6,6	sáu, sáu	C22QT6	
32	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15/08/2002	<u>[Signature]</u>		6,2	sáu, hai	C22QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010100114	Đào Ngọc Kim	Ngân	04/03/2002	<i>Ngân</i>	6,2	Sáu, hai	C22QT4	
34	2010010048	Nguyễn Trần Trọng	Nghĩa	15/07/2002	<i>Trọng</i>	6	Sáu	C22QT6	
35	2010100117	Đoàn Thị Mỹ	Nhàn	13/06/2002	<i>Mỹ</i>	6,4	Sáu, bốn	C22QT4	
36	2010100171	Trần Cao Ngọc	Nhi	20/09/2002	<i>Nhi</i>	5,8	Năm, tám	C22QT6	
37	2010100158	Trần Thị Kiều	Oanh	24/10/2001	<i>Kiều</i>	6	Sáu	C22QT5	
38	2010100113	Quách Minh	Phi	10/05/2002	<i>Phi</i>	3,6	Ba, sáu	C22QT4	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 37 vắng thi: 01 . Số bài thi/Số tờ: 37 / 1 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

TRƯỜNG

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

KHẢO

Ngày: 9 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Nguyễn Thu Huyền



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: MH110403902

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 1

Giám thị 1: Đàm Thanh Linh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Nguyễn Thị Ngọc Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100130	Sakyna	22/12/2002	<u>[Signature]</u>		4,8	bốn, tám	C22QT4	
2	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc	12/01/2002	<u>[Signature]</u>		6	sáu	C22QT6	
3	2010100164	Nguyễn Hoàng	24/04/2002	<u>[Signature]</u>		4,8	bốn, tám	C22QT5	
4	2010100137	Phan Hữu	30/10/2002	<u>[Signature]</u>		5,2	năm, hai	C22QT4	
5	2010100170	Lê Văn	07/08/2002	<u>[Signature]</u>		6,2	sáu, hai	C22QT6	
6	2010100181	Lê Minh	06/09/2002	<u>[Signature]</u>		5,8	năm, tám	C22QT6	
7	2010100141	Nguyễn Trí	11/04/2001	<u>[Signature]</u>		6,4	sáu, bốn	C22QT5	
8	2010130025	Châu Thanh	26/07/2002	<u>[Signature]</u>		5,6	năm, sáu	C22QT5	
9	2010100153	Hồ Đỗ Trung	15/09/2001	<u>[Signature]</u>		4,4	bốn, bốn	C22QT5	
10	2010100118	Lê Huỳnh Thu	12/12/2002	<u>[Signature]</u>		5,4	năm, bốn	C22QT4	
11	2010100155	Nguyễn Thuận	26/12/1993	<u>[Signature]</u>		7	bảy	C22QT5	
12	2010100161	Phạm Thị Thu	11/02/2002	<u>[Signature]</u>		5,4	năm, bốn	C22QT5	
13	2010100160	Tô Loan	18/04/2002	<u>[Signature]</u>		4	bốn	C22QT5	
14	2010100162	Phạm Thị Hồng	02/10/2002	<u>[Signature]</u>		6,2	sáu, hai	C22QT5	
15	2010100157	Võ Hồng	09/03/2002	<u>[Signature]</u>		5,6	năm, sáu	C22QT5	
16	2010100133	Trần Quốc	03/10/2002	<u>[Signature]</u>		6,2	sáu, hai	C22QT4	
17	2010100110	Trương Minh	22/11/2002	<u>[Signature]</u>		5,6	năm, sáu	C22QT4	
18	2010100152	Nguyễn Tuệ	01/09/2002	<u>[Signature]</u>		3,8	ba, tám	C22QT5	
19	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm	06/03/2002	<u>[Signature]</u>		5,8	năm, tám	C22QT6	
20	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy	16/12/2002	<u>[Signature]</u>		5,8	năm, tám	C22QT6	
21	2010100109	Lưu Thảo	10/11/2000	<u>[Signature]</u>		6,2	sáu, hai	C22QT4	
22	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc	06/05/2001	<u>[Signature]</u>		5,6	năm, sáu	C22QT4	
23	2010100126	Trần Thu	27/12/2002	<u>[Signature]</u>		4,8	bốn, tám	C22QT4	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ . Số bài thi/Số tờ: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày...11...tháng...4...năm...2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày...9...tháng...4...năm...2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Đức Huyền

TRƯỞ
KH



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: MH110403902

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thu Huyền

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên:

Giám thị 2: Trần Văn Long Ký tên:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Phi	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100165	Trần Anh Hoàng	Phi	24/05/2002			4,6	bốn, sáu	C22QT5	
2	2010010042	Đinh Chấn	Phong	08/09/2002			4,6	bốn, sáu	C22QT6	
3	2010100134	Nguyễn Thái	Phong	22/04/2002			5,4	năm, bốn	C22QT4	
4	2010100166	Nguyễn Thị Thanh	Phuong	15/10/2002			5,8	năm, tám	C22QT6	
5	2010100107	Đào Võ Xuân	Quang	12/02/2002			5	năm	C22QT4	
6	2010100189	Nguyễn Đình	Quốc	14/08/1999			4	bốn	C22QT6	
7	2010100169	Bùi Ngọc	Quỳnh	06/12/2002			5,6	năm, sáu	C22QT6	
8	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	09/10/2002			5,6	năm, sáu	C22QT6	
9	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế	Trần	27/07/2002			5	năm	C22QT4	
10	2010100186	Tạ Thiên	Triều	27/11/2002			5,8	năm, tám	C22QT6	
11	2010100196	Bùi Lê Đức	Trung	17/10/2002					C22QT5	
12	2010100127	Đặng Văn	Truyền	27/01/2002			5	năm	C22QT4	
13	2010100147	Dương Minh	Tuấn	19/08/2002					C22QT5	
14	2010100132	Nguyễn Thanh	Tuyết	26/11/2002			5,8	năm, tám	C22QT4	
15	2010100120	Hồ Văn	Văn	07/07/2002			5,6	năm, sáu	C22QT4	
16	2010100140	Trần Ngọc Thúy	Vi	24/09/2001			5,8	năm, tám	C22QT5	
17	2010100156	Cao Nguyễn Phương	Vy	06/09/2002			5,4	năm, bốn	C22QT5	
18	2010100112	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	27/02/2002			5,6	năm, sáu	C22QT5	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 16 vắng thi: 02 Số bài thi/Số tờ: 16 / 16

Số sinh viên đạt: _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiên

Ngày: 9 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Tiền tệ - Ngân hàng

Mã bài thi: ME55DD

Thời gian thi: 08/04/2021 07:45:00

Thời gian kết thúc: 08/04/2021 08:45:00

Giám thị 1: Dương Thanh Linh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Trần Thị Mỹ Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100130	Sakyna	22/12/2002	<u>[Signature]</u>	4.6	Bốn, sáu	C22QT4	
2	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12/01/2002	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C22QT6	
3	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002	<u>[Signature]</u>	4.6	Bốn, sáu	C22QT5	
4	2010100137	Phan Hữu Tài	30/10/2002	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C22QT4	
5	2010100170	Lê Văn Tâm	07/08/2002	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C22QT5	
6	2010100181	Lê Minh Tân	06/09/2002	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C22QT6	
7	2010100157	Võ Hồng Thắm	09/03/2002	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT5	
8	2010100162	Phạm Thị Hồng Thắm	02/10/2002	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C22QT5	
9	2010100133	Trần Quốc Thắng	03/10/2002	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C22QT4	
10	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT5	
11	2010100118	Lê Huỳnh Thu Thảo	12/12/2002	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C22QT4	
12	2010100160	Tô Loan Thảo	18/04/2002	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C22QT5	
13	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C22QT5	
14	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C22QT5	
15	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT5	
16	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT5	
17	2010100110	Trương Minh Thiện	22/11/2002	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT4	
18	2010100152	Nguyễn Tuệ Thư	01/09/2002	<u>[Signature]</u>	3.6	Ba, sáu	C22QT5	
19	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	16/12/2002	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C22QT6	
20	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	06/03/2002	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT5	
21	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C22QT4	
22	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002	<u>[Signature]</u>	4.6	Bốn, sáu	C22QT4	
23	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT4	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 23

Số sinh viên đạt: 21

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 9 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Nguyễn Đức Huỳnh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Tiền tệ - Ngân hàng

Mã bài thi: 2VP5QW

Thời gian thi: 08/04/2021 07:45:00

Thời gian kết thúc: 08/04/2021 08:45:00

Giám thị 1: Cao Thi' Thanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Điền Văn Long Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002	<u>Phi</u>	4.4	Bốn, bốn	C22QT5	
2	2010010042	Đinh Chấn Phong	08/09/2002	<u>Phong</u>	4.4	Bốn, bốn	C22QT6	
3	2010100134	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002	<u>Phong</u>	5.2	Năm, hai	C22QT4	
4	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002	<u>Phuong</u>	5.6	Năm, sáu	C22QT5	
5	2010100107	Đào Võ Xuân Quang	12/02/2002	<u>Quang</u>	4.8	Bốn, tám	C22QT4	
6	2010100189	Nguyễn Đình Quốc	14/08/1999	<u>Quoc</u>	3.8	Ba, tám	C22QT6	
7	2010100169	Bùi Ngọc Quyền	06/12/2002	<u>Quyên</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT5	
8	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/10/2002	<u>Tram</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT6	
9	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	27/07/2002	<u>Tran</u>	4.8	Bốn, tám	C22QT4	
10	2010100186	Tạ Thiên Triều	27/11/2002	<u>Triều</u>	5.6	Năm, sáu	C22QT6	
11	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002	<u>Truyen</u>	4.8	Bốn, tám	C22QT4	
12	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002	<u>Tuyết</u>	5.6	Năm, sáu	C22QT4	
13	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002	<u>Văn</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT4	
14	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001	<u>Vi</u>	5.6	Năm, sáu	C22QT5	
15	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002	<u>Vy</u>	5.2	Năm, hai	C22QT5	
16	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyên	27/02/2002	<u>Xuyen</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT5	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 16

Số sinh viên đạt: 15

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Hồ Thiên Thông Minh

Ngày 9 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Nguyễn Thu Huyền

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Tiền tệ - Ngân hàng

Mã bài thi: R23KCQ

Thời gian thi: 08/04/2021 07:45:00

Thời gian kết thúc: 08/04/2021 08:45:00

Giám thị 1: Châu Lê Sơn Ký tên: _____

Giám thị 2: Bà Thị Họa Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002	<u>Chinh</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT4	
2	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002	<u>Chau</u>	4.2	Bốn, hai	C22QT4	
3	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002	<u>Chau</u>	7.2	Bảy, hai	C22QT5	
4	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002	<u>Đại</u>	5.6	Năm, sáu	C22QT5	
5	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002	<u>Đào</u>	7	Bảy	C22QT4	
6	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	<u>Diệp</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT6	
7	2010100116	Hồ Thị Thùy Dung	11/05/2002	<u>Dung</u>	4.4	Bốn, bốn	C22QT4	
8	2010100111	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002	<u>Dương</u>	7.4	Bảy, bốn	C22QT4	
9	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002	<u>Dương</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT4	
10	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002	<u>Duyên</u>	4.8	Bốn, tám	C22QT4	
11	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002	<u>Duyên</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT4	
12	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002	<u>Duyên</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT4	
13	2010120001	Võ Thị Thu Hà	10/12/1995	<u>Hà</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT5	
14	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002	<u>Hạ</u>	7.4	Bảy, bốn	C22QT5	
15	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002	<u>Hiền</u>	7	Bảy	C22QT5	
16	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	<u>Hiếu</u>	4.8	Bốn, tám	C22QT4	
17	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	<u>Hoài</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT6	
18	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002	<u>Huyền</u>	6	Sáu	C22QT4	
19	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002	<u>Huỳnh</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT5	
20	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2002	<u>Khang</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT5	
21	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002	<u>Khoa</u>	6	Sáu	C22QT5	
22	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002	<u>Lâm</u>	4.8	Bốn, tám	C22QT4	
23	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002	<u>Linh</u>	4	Bốn	C22QT4	
24	2010100125	Nguyễn Thị Nhã Linh	16/06/2002	<u>Linh</u>	5.8	Năm, tám	C22QT4	
25	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002	<u>Long</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT4	
26	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002	<u>Luận</u>	4.6	Bốn, sáu	C22QT6	
27	2010100123	Từ Lâm Yến Mi	06/07/2002	<u>Mi</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT4	
28	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002	<u>Minh</u>	7.8	Bảy, tám	C22QT6	
29	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	<u>Minh</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT6	
30	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002	<u>Minh</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT5	
31	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15/08/2002	<u>Nga</u>	6	Sáu	C22QT4	
32	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002	<u>Ngân</u>	6	Sáu	C22QT4	
33	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002	<u>Nghĩa</u>	5.8	Năm, tám	C22QT6	
34	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhân	13/06/2002	<u>Nhân</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT4	
35	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002	<u>Nhi</u>	5.6	Năm, sáu	C22QT5	
36	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001	<u>Oanh</u>	5.8	Năm, tám	C22QT5	
37	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002	<u>Phi</u>	3.4	Ba, bốn	C22QT4	
38	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002				C22QT5	SV nhầm phòng

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đồng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 38

Số sinh viên đạt: 36

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 9 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Đức Huỳnh

Số: 121 /BB-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2021

BIÊN BẢN

Về việc làm sai đề thi môn Tiền tệ - Ngân hàng kết thúc
học phần học kỳ II năm học 2020-2021

Kính gửi: - Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng

Trong quá trình làm ngân hàng câu hỏi, giảng viên Nguyễn Thu Huyền có làm câu 36 trong phần 5 môn thi Tiền tệ - Ngân hàng bị thiếu câu trả lời. Ngày 8/4/2021 Phòng khảo thí và Bảo đảm chất lượng có tổ chức thi môn này cho các lớp Quản trị kinh doanh 4, 5, 6 – Khóa 22 vào học kỳ 2 năm học 2020-2021. Câu hỏi đó sẽ được cộng 0.2 điểm cho mỗi sinh viên các lớp trên.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- P. KTBĐCL;
- Lưu: KT.

GIẢNG VIÊN



Nguyễn Thu Huyền